

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch hành động thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững tỉnh Trà Vinh

SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT	
ĐẾN	Số: 6763
Chức vụ	17/12
	BLO 12/12

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 438/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;

Căn cứ Chỉ thị số 2039/CT-BNN-KH ngày 20 tháng 6 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về triển khai Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;

Căn cứ Quyết định số 1767/QĐ-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Chương trình hành động của tỉnh Trà Vinh thực hiện Đề án tái cơ cấu kinh tế giai đoạn 2013 - 2020 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 472/TTr-SNN ngày 29 tháng 11 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch hành động thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững tỉnh Trà Vinh (gọi tắt là Kế hoạch hành động), với các nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Tái cơ cấu ngành nông nghiệp là một hợp phần tái cơ cấu nền kinh tế của tỉnh, phù hợp với chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; gắn với phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường để bảo đảm phát triển bền vững; phát triển bền vững vừa là một quá trình, vừa là mục tiêu của ngành.

- Thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp vừa phải theo cơ chế thị trường, vừa phải đảm bảo các mục tiêu cơ bản về phúc lợi cho nông dân và người tiêu dùng; chuyển mạnh từ phát triển theo chiều rộng lấy số lượng làm mục tiêu phấn đấu sang nâng cao chất lượng, hiệu quả thể hiện bằng giá trị, lợi nhuận; đồng thời, chú trọng đáp ứng các yêu cầu về xã hội.

- Nhà nước giữ vai trò hỗ trợ, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động của các thành phần kinh tế; tập trung hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và chuyển giao khoa học công nghệ, phát triển thị trường, cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống, cung cấp thông tin, dịch vụ.

- Tăng cường sự tham gia của tất cả các thành phần kinh tế, xã hội từ Trung ương đến địa phương trong quá trình tái cơ cấu ngành; đẩy mạnh phát triển đối tác công tư và cơ chế đồng quản lý, phát huy vai trò của các tổ chức cộng đồng. Nông dân và doanh nghiệp trực tiếp đầu tư đổi mới quy trình sản xuất, công nghệ và thiết bị để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và sử dụng tài nguyên hiệu quả hơn.

- Tái cơ cấu là một quá trình phức tạp, khó khăn và lâu dài cần được thường xuyên đánh giá, tổng kết, rút kinh nghiệm để điều chỉnh phù hợp với thực tế trên cơ sở xây dựng một hệ thống giám sát, đánh giá và tham vấn thông tin phản hồi từ các bên liên quan.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

Triển khai có hiệu quả các nội dung Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 (gọi tắt là Đề án 899) trong điều kiện cụ thể của địa phương nhằm sớm khắc phục các hạn chế nội tại, phát huy tốt các lợi thế, xây dựng và phát triển ngành nông nghiệp toàn diện, cân đối, bền vững theo hướng sản xuất hàng hóa, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, thực hiện tốt các mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế nông thôn, bảo đảm an sinh xã hội và nâng cao đời sống nông dân; quản lý, sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường; góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu tái cơ cấu nền kinh tế của tỉnh giai đoạn 2013 - 2020.

b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2020

- Phần đầu tốc độ tăng giá trị tăng thêm ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản đạt khoảng 5,58%/năm giai đoạn 2013 - 2015 và 2,56%/năm giai đoạn 2016 - 2020. Đến năm 2020, tỷ trọng giá trị gia tăng nông nghiệp chiếm 65%, thủy sản chiếm 30%, lâm nghiệp chiếm 5% trong cơ cấu giá trị gia tăng của toàn ngành.

- Sản lượng lương thực đạt trên 1,25 triệu tấn (trong đó, lúa 1,1 triệu tấn) đảm bảo vững chắc an ninh lương thực; quản lý tốt quỹ đất trồng lúa nước theo quy hoạch đi đôi với sử dụng linh hoạt để nâng cao hiệu quả sử dụng đất; hình thành các vùng chuyên canh các loại cây trồng lợi thế theo hướng thực hành sản

xuất nông nghiệp tốt (GAP); nâng giá trị sản xuất bình quân trên ha đất nông nghiệp lên 120 triệu đồng/năm.

- Đẩy nhanh phát triển chăn nuôi đạt tốc độ tăng trưởng trên 6%/năm, giá trị gia tăng chăn nuôi chiếm 30% trong cơ cấu giá trị gia tăng ngành nông nghiệp (năm 2012 đạt 18,5%). Nâng quy mô đi đôi với nâng chất lượng đàn vật nuôi, đáp ứng yêu cầu an toàn sinh học, an toàn thực phẩm ngày càng cao gắn với giết mổ, chế biến tập trung. Quy mô đàn bò 150 ngàn con, đàn heo 500 ngàn con, đàn gia cầm 6,6 triệu con, trong đó chăn nuôi tập trung chiếm 50%; tổng sản lượng thịt hơi khoảng 140 ngàn tấn.

- Phát triển thủy sản theo hướng chất lượng, bền vững; tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng bình quân 9%/năm. Ổn định diện tích nuôi trồng từ 51 - 53 ngàn ha, sản lượng 136 ngàn tấn; nâng giá trị sản xuất bình quân trên ha mặt nước nuôi trồng thủy sản lên 180 triệu đồng/năm. Thực hiện cơ cấu lại đội tàu khai thác, giảm số lượng tàu cá công suất nhỏ, tăng tàu cá công suất lớn kết hợp với tăng cường dịch vụ hậu cần phục vụ khai thác; phấn đấu đạt sản lượng khai thác trên 77 ngàn tấn.

- Quản lý, bảo vệ tốt 7.463 ha rừng hiện có và 11.879 ha đất lâm nghiệp còn lại theo quy hoạch; từ nay đến năm 2015 trồng mới 685 ha rừng tập trung, giao khoán bảo vệ 7.508 ha, chăm sóc 2.000 ha rừng và trồng 5,7 triệu cây phân tán; giai đoạn 2016 - 2020 trồng mới 2.479 ha rừng tập trung, giao khoán bảo vệ 10.627 ha, chăm sóc 8.465 ha rừng và trồng 3,2 triệu cây phân tán. Duy trì mức tăng trưởng ngành lâm nghiệp từ 6,5 - 7%/năm; nâng độ che phủ của rừng lên 4,6% (năm 2012 đạt 3,3%).

- Tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo nghề đạt 50%, gắn với việc phát triển các ngành nghề thủ công, làng nghề truyền thống, cơ sở chế biến nông, lâm, thủy sản, dịch vụ nông thôn để đa dạng hóa thu nhập, chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn. Tỷ trọng lao động nông, lâm, ngư nghiệp chiếm 40%.

- Có 88% dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, trong đó 62% sử dụng nước đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt (QCVN 02:2009/BYT) của Bộ trưởng Bộ Y tế; 100% trường học, trạm y tế xã, chợ và các công trình công cộng khác ở nông thôn đủ nước hợp vệ sinh.

- Có 90% hộ dân nông thôn và 100% trường học, trạm xá, Ủy ban nhân dân các xã, các cơ sở công cộng có nhà tiêu hợp vệ sinh; 90% chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh.

- Thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới: Đến năm 2015 có 20% và đến năm 2020 có 50% số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới.

- Các công trình hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất nông nghiệp, đảm bảo đời sống dân cư nông thôn được đầu tư cơ bản; nhất là thủy lợi, giao thông nông thôn và các công trình phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Nâng cao thu nhập và mức sống cư dân nông thôn, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo 3%/năm. Đến năm 2020, thu nhập hộ gia đình nông thôn tăng gấp 1,5

lần so với năm 2013.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác tuyên truyền, quán triệt, triển khai thực hiện

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt công tác tuyên truyền, quán triệt và triển khai thực hiện nội dung Đề án 899, Chương trình hành động của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện Đề án “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững” theo Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch hành động của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo 02 yêu cầu, gồm:

+ Tạo nhận thức mới về phát triển ngành nông nghiệp theo Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

+ Xác định nhiệm vụ cụ thể của mỗi ngành, mỗi cấp, mỗi đơn vị trong việc thực hiện nội dung tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức Hội nghị triển khai Đề án 899 và Kế hoạch hành động của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đến các Sở, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan truyền thông, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Công ty. Trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành viên Quản lý khai thác công trình thủy lợi Trà Vinh, các Chi cục chuyên ngành và đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Thời gian tổ chức Hội nghị trong tháng 12 năm 2013.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức Hội nghị triển khai Đề án 899, Kế hoạch hành động của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, triển khai Kế hoạch hành động của huyện, thành phố đến các Phòng, Ban chuyên môn, các tổ chức chính trị - xã hội, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn. Thời gian tổ chức Hội nghị trong tháng 01 năm 2014.

- Sau Hội nghị triển khai tại mỗi cấp, các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện cụ thể gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố) và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (đối với Phòng, Ban chuyên môn cấp huyện và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn) làm cơ sở theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện.

2. Tập trung triển khai quy hoạch ngành, sản phẩm đến 2020 gắn với rà soát đề điều chỉnh, bổ sung đảm bảo chất lượng, tính khả thi và tăng cường hiệu lực quản lý Nhà nước đối với quy hoạch

- Đối với các dự án quy hoạch ngành, sản phẩm nông, lâm, thủy sản chủ lực, lợi thế đã được phê duyệt: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức công bố công khai rộng rãi và xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể, trước mắt là đến năm 2015. Đồng thời, trên cơ sở định

hướng tái cơ cấu đối với ngành, sản phẩm theo Đề án 899, triển khai rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các quy hoạch đến thời điểm hiện nay, lưu ý làm rõ những hạn chế, bất cập, phân tích nguyên nhân, đề xuất điều chỉnh, bổ sung phù hợp điều kiện thực tế, nâng cao tính khả thi của từng quy hoạch. Việc rà soát, điều chỉnh các quy hoạch ngành, sản phẩm phải hoàn thành trong năm 2014; các ngành gồm nhiều phân ngành và đối tượng (nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi) phải hoàn thành trong năm 2015.

- Đối với các dự án quy hoạch ngành, sản phẩm nông, lâm, thủy sản đến 2020 đang xây dựng: Yêu cầu rà soát đề cương nhiệm vụ lập quy hoạch, nghiên cứu quan điểm, định hướng tái cơ cấu ngành, lĩnh vực, sản phẩm theo Đề án 899 để có điều chỉnh nhiệm vụ nghiên cứu, xây dựng quy hoạch phù hợp. Đặc biệt, đối với đất lúa phải đảm bảo diện tích quy hoạch theo Nghị quyết 109/NQ-CP ngày 20/9/2013 của Chính phủ về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011 - 2015) của tỉnh Trà Vinh và tuân thủ Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 11/5/2012 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; đồng thời, nghiên cứu Đề án 899, Thông tư số 47/2013/TT-BNNPTNT ngày 08/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng cây hàng năm, kết hợp nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa để có hiệu quả kinh tế cao hơn nhưng không làm mất khả năng trồng lúa nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp và lợi ích của nông dân. Quá trình rà soát, những vấn đề chưa rõ, cần thiết phải xin ý kiến của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo, xin chủ trương thực hiện cụ thể. Bên cạnh đó, quy hoạch các loại cây trồng, con nuôi lợi thế phải nắm vững quan điểm, mục tiêu tái cơ cấu để rà soát, đảm bảo chính xác, định hình rõ ràng mô hình liên kết chuỗi giá trị từ sản xuất - thu mua, chế biến - tiêu thụ; chú ý các giải pháp tổ chức thực hiện nhằm nâng cao tính khả thi, tăng cường hiệu lực quản lý đối với quy hoạch. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các Sở, ngành liên quan, các địa phương rà soát, hoàn chỉnh các quy hoạch đang xây dựng, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chậm nhất cuối năm 2014.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch: Gắn quy hoạch phát triển ngành, sản phẩm chủ yếu nông nghiệp, nông thôn với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực có liên quan, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trong cùng thời kỳ của tỉnh và các huyện, thành phố đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ; khắc phục, loại bỏ chồng lấn, chồng chéo giữa quy hoạch ngành nông nghiệp với quy hoạch ngành, lĩnh vực khác. Xây dựng kế hoạch giám sát thực hiện và phân công trách nhiệm theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện đối với từng quy hoạch; thực hiện công khai, minh bạch đối với các loại quy hoạch, nhất là các quy hoạch phát triển các sản phẩm chủ lực, lợi thế, quản lý, sử dụng tài nguyên nông, lâm, thủy sản.

3. Nội dung cụ thể nhiệm vụ tái cơ cấu ngành, sản phẩm nông nghiệp

Phát triển các ngành, sản phẩm nông nghiệp của tỉnh theo hướng nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và bền vững. Mục tiêu phát triển bền vững phải được

chú trọng xuyên suốt trong tái cơ cấu từng ngành, lĩnh vực, sản phẩm trên cả ba khía cạnh “Kinh tế”, “Xã hội” và “Môi trường”.

a) Ngành trồng trọt

- Phát huy các lợi thế điều kiện tự nhiên và trên cơ sở nhu cầu thị trường để tái cơ cấu ngành trồng trọt theo hướng phát triển sản xuất quy mô lớn, tập trung, gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị, đặc biệt là các cây trồng lợi thế đã xác định gồm lúa gạo, bắp, đậu phộng, mía đường, cây ăn trái, cây dứa, rau màu,... Đẩy mạnh xây dựng “Cánh đồng lớn” theo chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; tăng cường áp dụng khoa học công nghệ, nhất là đưa các giống mới có năng suất cao, thích ứng biến đổi khí hậu nhằm tăng năng suất, chất lượng, giảm giá thành gắn với phát triển mạnh công nghiệp chế biến, đặc biệt là chế biến sâu và bảo quản sau thu hoạch theo hướng hiện đại nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch và nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm.

- Đối với cây lúa: Duy trì và sử dụng linh hoạt, có hiệu quả diện tích đất lúa được quy hoạch, đến năm 2015 là 95.995 ha, trong đó có 90.154 ha đất chuyên trồng lúa nước; đến năm 2020 là 91.000 ha, có 88.000 ha đất chuyên trồng lúa nước. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa 01 vụ kém hiệu quả và luân canh cây trồng trên đất lúa để nâng cao hiệu quả và thu nhập trên đơn vị diện tích canh tác. Chú trọng thâm canh tăng năng suất, phát triển sản xuất lúa chất lượng cao, lúa đặc sản gắn với đẩy mạnh liên kết “4 nhà” trong sản xuất và tiêu thụ lúa hàng hóa; đồng thời, luân canh trồng bắp, đậu phộng, rau màu trên đất lúa theo thời vụ thích hợp để nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tăng thu nhập cho nông dân.

- Đối với cây bắp: Tiếp tục mở rộng diện tích ở các vùng có điều kiện, nhất là vùng đất cát giồng, đồng thời thực hiện luân canh trên đất lúa, đất màu. Đẩy mạnh chuyển giao khoa học - kỹ thuật, sử dụng giống có năng suất, chất lượng cao để đạt sản lượng trên 100 ngàn tấn vào năm 2020 gắn với thu hút đầu tư các nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi công nghiệp tại địa phương để gia tăng giá trị.

- Đối với cây đậu phộng: Tập trung phát triển trên vùng đất cát giồng sử dụng cho chuyên trồng màu, lúa - màu. Tăng cường các biện pháp thâm canh để tăng năng suất, chất lượng, phấn đấu đạt sản lượng 50 ngàn tấn vào năm 2020. Từng bước xây dựng và phát triển các vùng chuyên canh, xen canh kết hợp; triển khai thực hiện chuỗi giá trị cây đậu phộng.

- Đối với cây mía: Ổn định diện tích khoảng 6.000 ha, sản lượng 738 ngàn tấn; tiếp tục thực hiện các giải pháp thâm canh tăng năng suất, đặc biệt là công tác khảo nghiệm, chọn tạo các giống mía mới để luôn có giống tốt phù hợp với đặc điểm sinh thái của tỉnh và tăng cường khả năng phòng ngừa sâu bệnh; thực hiện rãi vụ để tránh dư thừa nguyên liệu thời điểm thu hoạch tập trung; ứng dụng công nghệ sinh học, thực hành quy trình sản xuất nông nghiệp tốt... để không ngừng nâng cao hiệu quả.

- Đối với rau, quả thực phẩm: Xây dựng các vùng chuyên canh, xen canh rau, quả thực phẩm theo quy hoạch trên cơ sở ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật tiên

tiến để nâng cao năng suất, chất lượng và bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm. Phân đầu đạt sản lượng 877 ngàn tấn vào năm 2020. Tập trung phát triển mô hình rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP tại khu vực ven thành phố (thành phố Trà Vinh, huyện Châu Thành); xây dựng và phát triển hệ thống tiêu thụ sản phẩm rau an toàn để chủ động cung ứng cho các khu đô thị, khu du lịch, siêu thị, nhà hàng; có chính sách hỗ trợ, đảm bảo gia tăng thu nhập của người trồng rau.

- Đối với cây ăn quả và cây dứa: Tập trung cải tạo, nâng cấp các vườn cây ăn quả, vườn dứa già cỗi, kém hiệu quả theo hướng thâm canh, kết hợp trồng xen, đặc biệt là xen cây ca cao để tăng năng suất và hiệu quả, phân đầu đạt sản lượng cây ăn quả 311 ngàn tấn, sản lượng dứa trên 181 ngàn tấn vào năm 2020. Xây dựng và triển khai thực hiện chuỗi giá trị cây dứa để không ngừng nâng cao hiệu quả kinh tế. Phục tráng các vườn cây ăn quả có thể mạnh, có thị trường ổn định thành vùng chuyên canh tập trung; quy hoạch và từng bước mở rộng diện tích các vườn cây đang có triển vọng với thị trường xuất khẩu; tăng cường biện pháp kiểm định giống; khuyến khích sử dụng giống sạch bệnh, tập trung cho thâm canh, kết hợp giữa điều chỉnh mật độ với áp dụng quy trình canh tác và phòng trừ tổng hợp để ngăn ngừa dịch bệnh; từng bước xây dựng thương hiệu; tác động giúp các nhà vườn thành lập hợp tác xã để hỗ trợ nhau trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; có chính sách khuyến khích phù hợp để thúc đẩy phát triển sản xuất cây ăn quả.

- Tập trung đúng mức nguồn lực triển khai nhanh các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất; đẩy mạnh công tác khuyến nông, dịch vụ tư vấn kỹ thuật cho nông dân. Đưa nhanh cơ giới hóa vào các khâu sản xuất, đặc biệt là đối với các cây trồng lợi thế, chủ yếu của tỉnh như: lúa, cây ăn quả, đậu phộng, bắp lai,... Áp dụng các biện pháp thâm canh bền vững, thực hiện tốt các quy định về môi trường trong sử dụng phân bón, hóa chất và xử lý chất thải nông nghiệp nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, khả năng cạnh tranh để phát triển bền vững.

b) Ngành chăn nuôi

- Từng bước chuyển chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang phát triển chăn nuôi tập trung, trang trại; hình thành các điểm chăn nuôi xa khu dân cư; khuyến khích áp dụng công nghệ cao, tổ chức sản xuất khép kín hoặc liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị từ sản xuất giống, thức ăn đến chế biến để nâng cao năng suất, cắt giảm chi phí, tăng hiệu quả và giá trị gia tăng.

- Hỗ trợ chăn nuôi nông hộ theo hình thức công nghiệp, áp dụng kỹ thuật và công nghệ phù hợp để vừa tạo cơ hội sinh kế cho hộ nông dân, vừa hạn chế dịch bệnh giảm thiểu ô nhiễm môi trường, vừa đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và tăng khả năng cạnh tranh của ngành chăn nuôi.

- Chuyển dịch cơ cấu đàn vật nuôi theo hướng tăng tỷ trọng các loài nuôi có giá trị kinh tế, dễ tiêu thụ, có thị trường ổn định để nâng cao thu nhập cho người chăn nuôi, đảm bảo cho ngành chăn nuôi phát triển ổn định. Tái cơ cấu đối với một số loài nuôi chủ yếu như sau:

+ Chăn nuôi bò: Phát triển theo hướng phát huy lợi thế về điều kiện tự nhiên và thị trường tiêu thụ; khuyến khích phát triển hình thức trang trại gắn với

trồng cỏ để bảo đảm nguồn thức ăn; ưu tiên đầu tư cho công tác cải tạo giống để nâng cao tầm vóc, chất lượng.

+ Chăn nuôi heo: Phát triển theo phương thức nuôi trang trại tập trung gắn với an toàn dịch bệnh; chú ý các giải pháp xử lý triệt để các nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; cải tiến và nâng cao chất lượng đàn giống trên cơ sở mở rộng mạng lưới thụ tinh nhân tạo tại địa phương.

+ Chăn nuôi gia cầm: Phát triển đàn gà và đàn vịt chuyên thịt, đồng thời ưu tiên phát triển đàn gia cầm theo mô hình trang trại theo hướng chăn nuôi an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh; chú ý các giống gà, vịt thịt chất lượng cao.

- Mở rộng mô hình chăn nuôi tập trung an toàn sinh học, xử lý ô nhiễm môi trường, kiểm soát dịch bệnh. Tập trung thực hiện công tác giống và chuyển giao ứng dụng khoa học - kỹ thuật tiên bộ mới trong chăn nuôi. Khuyến khích thu hút doanh nghiệp đầu tư xây dựng các khu giết mổ tập trung.

- Giám sát, kiểm soát dịch bệnh hiệu quả; tăng cường công tác thú y, quản lý và sử dụng thuốc thú y chặt chẽ; áp dụng tiêu chuẩn an toàn thực phẩm theo chuỗi giá trị, từng bước phát triển công nghiệp chế biến; cải thiện hiệu quả sử dụng thức ăn.

- Áp dụng hệ thống quản lý kiểm soát nguy cơ ô nhiễm đất và nước từ chất thải chăn nuôi và phát triển nguồn năng lượng tái tạo từ các phụ phẩm của ngành chăn nuôi; quản lý vùng nuôi an toàn về môi trường.

c) Ngành thủy sản

- Nuôi trồng thủy sản:

+ Đẩy mạnh phát triển nuôi trồng thủy sản theo nhiều hình thức, đa dạng hóa chủng loại với các đối tượng mặn, lợ, ngọt có giá trị kinh tế và giá trị xuất khẩu cao; góp phần cùng khai thác tạo ra nguồn nguyên liệu ngày càng chủ động, đáp ứng nhu cầu chế biến xuất khẩu.

+ Tái cơ cấu lại vùng nuôi tôm tập trung. Ưu tiên đẩy mạnh phát triển nuôi thủy sản theo hình thức thâm canh ở các vùng nuôi có điều kiện thuận lợi đã được đầu tư cơ bản về thủy lợi, giao thông, điện,... Duy trì hình thức nuôi tôm quảng canh cải tiến, tôm luân canh với trồng lúa.

+ Xác định đối tượng tôm nước lợ (tôm sú, tôm chân trắng) và cá tra là mặt hàng chiến lược và là sản phẩm xuất khẩu thủy sản chính của tỉnh, trong đó tôm sú và cá tra là đối tượng chủ lực, ưu tiên phát triển dài hạn. Phát triển thâm canh một cách thận trọng, hiệu quả và được sự giám sát chặt chẽ của các Sở, Ban, ngành, địa phương và cơ quan có liên quan.

+ Điều chỉnh phát triển diện tích nuôi cá tra thâm canh phù hợp với điều kiện sản xuất và tiêu thụ hiện nay, tập trung nâng cao giá trị sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường xuất khẩu và nội địa. Tận dụng các diện tích mặt nước ao, đìa, ruộng lúa, nương vườn, các vùng đất ven các sông, kênh, rạch chính,... để nuôi thủy sản nước ngọt.

+ Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát những tác động của sản xuất đến môi trường để có những giải pháp khắc phục kịp thời khi có hiện tượng ô nhiễm. Đẩy mạnh công tác khuyến ngư, tiếp nhận chuyển giao khoa học - kỹ thuật mới và phát triển nguồn nhân lực.

+ Tiếp tục xây dựng các chính sách, thể chế cụ thể, hấp dẫn để thu hút ngày càng nhiều nhà đầu tư có đầy đủ các tiềm lực về kinh tế, kỹ thuật, công nghệ để tham gia phát triển nuôi tôm trong tỉnh.

- Khai thác thủy sản:

+ Tổ chức điều tra, đánh giá nguồn lợi hải sản, cập nhật kịp thời thông tin, số liệu về trữ lượng và khả năng khai thác nguồn lợi hải sản. Dự báo ngư trường khai thác. Phân định ngư trường, vùng biển, tuyến khai thác.

+ Phát triển đội tàu khai thác trên cơ sở ưu tiên phát triển đội tàu công suất lớn, đánh bắt các đối tượng chủ lực có giá trị kinh tế, các nghề khai thác có tính chọn lọc cao, thân thiện với môi trường theo hướng nâng cao hiệu quả. Từng bước hiện đại hóa đội tàu khai thác, thay thế vỏ gỗ bằng vỏ sắt, vật liệu mới. Nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng công nghệ kỹ thuật mới trong bảo quản sản phẩm khai thác trên tàu.

+ Phát triển khai thác hiệu quả, gắn với bảo vệ và tái tạo nguồn lợi thủy sản. Từng bước kiểm soát hoạt động của các đội tàu thông qua giấy phép khai thác. Tăng cường công tác chỉ đạo khai thác theo ngư trường, mùa vụ và tập trung sản xuất theo tổ, đội, theo nghề. Tăng cường tuyên truyền phổ biến các quy định của pháp luật, thả bỏ sung các giống thủy sản về các thủy vực tự nhiên nhằm phục hồi và tái tạo nguồn lợi.

+ Kiện toàn hệ thống tổ chức đăng ký, đăng kiểm tàu cá. Xây dựng và đưa vào hoạt động lực lượng làm nhiệm vụ tuần tra, kiểm tra, kiểm soát các hoạt động nghề cá trên biển.

+ Xây dựng mô hình sản xuất tập thể trong khai thác, hậu cần dịch vụ nhằm tập trung sức mạnh tập thể, nâng cao hiệu quả kinh tế và khả năng cạnh tranh, giảm chi phí sản xuất và rủi ro do thị trường và từ các hoạt động ngành nghề. Phát triển các hình thức kinh tế hợp tác trong khai thác thủy sản.

+ Tiếp tục đầu tư xây dựng, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng và dịch vụ hậu cần nghề cá, nâng cao nhân lực đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu phát triển ngành khai thác. Từng bước phát triển đội tàu dịch vụ, thu mua, bảo quản và sơ chế sản phẩm trên biển để tiết kiệm thời gian và giảm chi phí cho các đội tàu đánh bắt.

- Chế biến thủy sản:

+ Tiếp tục ban hành và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách kêu gọi, thu hút đầu tư xây dựng các nhà máy mới (ưu tiên các dự án sản xuất các mặt hàng tinh chế, sản phẩm ăn liền xuất khẩu); tạo điều kiện để các doanh nghiệp chế biến thủy hải sản hình thành các hiệp hội hoặc tập đoàn kinh tế phù hợp với xu hướng của thời kỳ hội nhập.

+ Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư theo chiều sâu cho các nhà máy chế biến hiện có, đẩy mạnh đổi mới trang thiết bị công nghệ tiên tiến, đa dạng hóa mặt hàng để nâng cao giá trị xuất khẩu, gắn liền các nhà máy chế biến với vùng sản xuất nguyên liệu tại chỗ, nâng cao công tác đào tạo nguồn nhân lực có trình độ nhằm tiếp cận các khoa học công nghệ hiện đại.

+ Phát triển công nghiệp chế biến thân thiện với môi trường, di dời các nhà máy chế biến vào các khu, cụm công nghiệp, tách biệt giữa khu sản xuất và khu dân cư, giảm thiểu tối đa lượng chất thải ô nhiễm ra môi trường.

+ Chú trọng và thường xuyên nâng cao nhận thức về công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, đặc biệt là việc kiểm tra, kiểm soát các hóa chất độc hại, kháng sinh cấm trong bảo quản, sơ chế và chế biến thủy sản.

+ nỗ lực xây dựng thương hiệu cho sản phẩm thủy sản của tỉnh, thực hiện đa phương hóa bán hàng quốc tế và đa dạng hóa mặt hàng xuất khẩu, giữ vững và ổn định những thị trường truyền thống (Nhật, Mỹ, Eu); đồng thời, không ngừng tìm kiếm thị trường mới thông qua việc nghiên cứu, điều tra, khảo sát và tìm hiểu sở thích của từng thị trường khác nhau.

d) Lâm nghiệp

- Thiết lập, quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững đất quy hoạch rừng phòng hộ, bảo vệ môi trường sinh thái cho phát triển kinh tế bền vững tại các vùng ven biển, cửa sông của tỉnh; ổn định sản xuất, đời sống khoảng 3 ngàn hộ gia đình sinh sống trong vùng đất quy hoạch cho lâm nghiệp và vùng phụ cận thông qua các mô hình sản xuất lâm - ngư kết hợp; xã hội hóa ngành lâm nghiệp bằng giao khoán bảo vệ rừng, sản xuất lâm - ngư kết hợp, phát triển du lịch sinh thái, du lịch dưới tán rừng, chi trả dịch vụ môi trường rừng; góp phần ổn định an ninh chính trị - xã hội ở vùng ven biển của tỉnh.

- Cụ thể hóa các quy định, chính sách để gắn trách nhiệm của người giữ rừng với quyền hưởng lợi thành quả, tạo điều kiện cho người dân tại chỗ, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số cải thiện, nâng cao thu nhập, đời sống. Đồng thời, tiếp tục đẩy mạnh chủ trương xã hội hóa lâm nghiệp, chuyên nguồn lực đầu tư bảo vệ và phát triển rừng từ dựa chủ yếu vốn ngân sách Nhà nước sang huy động đa dạng các nguồn lực xã hội, trong đó người dân, doanh nghiệp đầu tư, các tổ chức sử dụng môi trường rừng là những thành phần quan trọng tham gia hoạt động quản lý, bảo vệ, đầu tư phát triển, sử dụng hợp lý, bền vững tài nguyên rừng. Khuyến khích thực hiện thuê, nhận khoán bảo vệ rừng, trồng rừng kết hợp nuôi thủy sản để tăng thu nhập, phát triển rừng bền vững.

- Rà soát tiêu chí, xác lập quy hoạch rừng phòng hộ hợp lý, bền vững. Phát triển, nâng cao chất lượng rừng phòng hộ theo hướng ưu tiên thực hiện biện pháp khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên đối với các diện tích rừng có tiềm năng; đổi mới việc trồng bổ sung, trồng mới cần nghiên cứu điều chỉnh cơ cấu giống cây lâm nghiệp theo hướng tăng cây đa tác dụng, đa mục tiêu, tạo điều kiện tăng thu nhập cho người làm nghề rừng. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quản lý, bảo vệ, phục vụ công tác nghiên cứu, bảo tồn hệ sinh thái, bảo đảm

đa dạng sinh học; xây dựng cơ chế tạo nguồn thu dịch vụ môi trường, du lịch sinh thái trong các khu rừng phòng hộ để đầu tư cho công tác bảo vệ, tái tạo rừng; thí điểm mô hình đồng quản lý, chia sẻ lợi ích với người dân sống liền với rừng nhằm bảo vệ, phát triển bền vững rừng phòng hộ theo điều kiện của tỉnh.

d) Sản xuất muối

- Ổn định diện tích đất sản xuất muối, từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật, đầu tư thâm canh để nâng cao năng suất, phấn đấu đến năm 2015 đạt sản lượng 13.800 tấn, năm 2020 đạt 14.500 tấn.

- Chủ động ngăn ngừa, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, khắc phục tình trạng suy thoái và cải thiện chất lượng môi trường trong sản xuất muối; nhân rộng mô hình và từng bước chuyển dần sang sản xuất muối sạch, tăng cường quản lý chất lượng sản phẩm, đảm bảo yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm.

e) Phát triển chế biến nông, lâm, thủy sản và ngành nghề nông thôn gắn với đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm

- Tạo điều kiện để các cơ sở chế biến đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển sản xuất các sản phẩm có giá trị cao, giảm dần tỷ lệ xuất khẩu các sản phẩm thô, sơ chế. Sắp xếp lại các cơ sở quy mô nhỏ; khuyến khích đầu tư mở rộng, nâng cấp, từng bước hiện đại hóa các cơ sở sơ chế, chế biến; đầu tư xây dựng các kho lạnh để bảo quản, lưu trữ nguyên liệu và sản phẩm chế biến. Hỗ trợ các địa phương xây dựng các khu, cụm công nghiệp tập trung theo quy hoạch; kết hợp cơ chế chính sách và các biện pháp hành chính đẩy nhanh tiến độ di dời các cơ sở sơ chế, chế biến gây ô nhiễm vào khu, cụm công nghiệp. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt các chính sách khuyến công, chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ, thiết bị đối với các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm lợi thế của tỉnh.

- Triển khai quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn, tập trung các ngành nghề có thế mạnh về nguyên liệu, thị trường, truyền thống sản xuất, tạo ra sản phẩm có chất lượng, hiệu quả, có lợi thế cạnh tranh cao và có triển vọng phát triển lâu dài; kết hợp giữa sản xuất thủ công với công nghệ hiện đại, nguyên liệu tự nhiên với nhân tạo; chú ý khôi phục, phát triển các nghề và làng nghề truyền thống mang đậm bản sắc văn hóa gắn với dịch vụ du lịch để giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho lao động nông thôn. Gắn sản xuất với thị trường tiêu thụ từ trong chiến lược, quy hoạch phát triển. Tổ chức tốt công tác thị trường từ khâu thông tin, dự báo, quảng bá sản phẩm với sự hỗ trợ của Nhà nước và sự chủ động tham gia tích cực của các thành phần kinh tế. Tranh thủ tối đa sự hỗ trợ từ các chương trình xúc tiến thương mại thông qua cơ quan đầu mối của các Bộ, ngành Trung ương để tìm kiếm đối tác, bạn hàng, cơ hội hợp tác kinh doanh, phát triển thị trường ngoài nước; đồng thời, tổ chức tốt hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm trong nước. Hỗ trợ xây dựng đi đôi với duy trì, bảo vệ uy tín thương hiệu các sản phẩm thế mạnh, đặc thù của tỉnh trên thị trường. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, chống buôn

lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng, quyền sở hữu trí tuệ, an toàn vệ sinh thực phẩm,...

4. Đẩy mạnh thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới

- Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung để nâng cao chất lượng các quy hoạch xây dựng nông thôn mới, đồng thời tích cực triển khai xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất, đời sống. Về quy hoạch, các huyện triển khai ngay việc rà soát Đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới để bổ sung, chỉnh sửa phù hợp; đồng thời, hướng dẫn các xã căn cứ Đồ án quy hoạch và Đề án đã được phê duyệt để chọn lựa, đối chiếu với nhu cầu thực tế tại địa phương, xác định rõ lĩnh vực trọng tâm của xã, lập các Dự án chi tiết và phân công tổ chức thực hiện. Tiếp tục triển khai xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất, đời sống, tập trung trước hết là những công trình thiết yếu và sớm đạt các tiêu chí, như: giao thông, thủy lợi, nước sạch, trường học, trạm xá. Riêng các xã điểm phải rà soát những tiêu chí về hạ tầng còn thiếu để các ngành của tỉnh và huyện ưu tiên tập trung nguồn lực triển khai thực hiện bảo đảm đạt chuẩn vào năm 2015.

- Tiếp tục chỉ đạo phát triển sản xuất nông nghiệp, kinh tế nông thôn theo hướng hiệu quả, bền vững. Tranh thủ các nguồn lực Trung ương, địa phương cùng nguồn vốn của dân đẩy mạnh chương trình dạy nghề, đào tạo nghề, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, quy trình sản xuất canh tác tiên bộ, các mô hình khuyến nông, khuyến ngư, các dự án, mô hình mới trong sản xuất (chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát triển ngành nghề nông thôn, liên kết 4 nhà,...), trước hết là tại các xã điểm gắn với sơ kết, đánh giá nhân rộng những mô hình hiệu quả, bền vững. Thực hiện tốt chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, ưu tiên các dự án công nghệ cao, công nghệ tiên tiến phát triển cây trồng, con nuôi lợi thế gắn với chế biến, tiêu thụ, xuất khẩu. Tiếp tục đổi mới, phát triển các hình thức hợp tác, liên kết trong sản xuất, nhất là liên kết 4 nhà để nâng cao hiệu quả sản xuất và tiêu thụ hàng hóa nông sản cho nông dân.

- Phát triển giáo dục, y tế, văn hóa, giữ gìn môi trường. Tiếp tục đẩy mạnh đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học của các cấp học đạt chuẩn gắn với nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các bậc học. Quan tâm đầu tư kiện toàn mạng lưới y tế cơ sở, tăng số xã đạt chuẩn y tế, tuyên truyền vận động tăng tỷ lệ hộ dân tham gia thực hiện các hình thức bảo hiểm y tế; thực hiện tốt chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình, các chương trình bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa". Nâng cao hiệu quả chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, phân đầu đảm bảo cung cấp đủ nước sinh hoạt và hợp vệ sinh cho dân cư, trường học, trạm y tế, công sở và các khu dịch vụ công cộng. Tuyên truyền nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của người dân về bảo vệ môi trường.

5. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, khuyến nông; đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khoa học - kỹ thuật

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới, tạo chuyên biến mạnh mẽ việc ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ mới trên các ngành, lĩnh vực nhằm đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Ưu tiên thực hiện các chương trình, đề tài ứng dụng gắn với sản xuất, phục vụ sản xuất nhằm thúc đẩy sản xuất nguyên liệu có hàm lượng khoa học công nghệ được nâng dần trong các sản phẩm chủ yếu của ngành. Tập trung các lĩnh vực có khả năng tạo đột phá về năng suất, chất lượng sản phẩm, khả năng thích ứng cao với điều kiện sinh thái các vùng, thích ứng biến đổi khí hậu; trước hết là giống cây, con, giống thủy sản; các quy trình canh tác tiên tiến, an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn môi trường; công nghệ bảo quản sau thu hoạch; chế biến thực phẩm và tận dụng phụ phẩm trong nông nghiệp, thủy sản; xử lý chất thải; ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ thông tin trong sản xuất, quản lý, điều hành ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Cùng cố, tăng cường năng lực hệ thống khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư từ tỉnh đến cơ sở; đẩy mạnh thông tin khoa học - kỹ thuật - thương mại để hỗ trợ các thành phần kinh tế về khoa học, công nghệ, thị trường, định hướng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Có kế hoạch đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khoa học - kỹ thuật để đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp, nông thôn theo định hướng tái cơ cấu ngành. Triển khai rà soát, đánh giá nguồn lực cán bộ khoa học - kỹ thuật; trong đó, chú ý cơ cấu nguồn nhân lực chuyên sâu của các ngành, lĩnh vực mũi nhọn, quan trọng nhưng còn mỏng, thiếu để tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng và có chính sách thu hút, tăng số lượng cán bộ có trình độ cao, ưu tiên lựa chọn đội ngũ làm việc ở cơ sở, trong các đơn vị sự nghiệp nghiên cứu, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật. Phân đầu đến năm 2020, các chuyên ngành lớn đều có đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật chuyên sâu đủ mạnh (thạc sĩ, tiến sĩ), có khả năng xây dựng, triển khai các chương trình, dự án, đề tài khoa học công nghệ trọng điểm của ngành. Đồng thời, chú ý đào tạo nâng cao trình độ quản lý Nhà nước, lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ quản lý các cấp nhằm nâng cao năng lực tham mưu và tổ chức triển khai các chính sách đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp, nông thôn trong giai đoạn mới.

6. Tăng cường nguồn lực gắn với điều chỉnh cơ cấu đầu tư công, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ngân sách thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp

Tiếp tục tăng cường nguồn lực đầu tư công cho nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh theo tinh thần Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, đảm bảo mức 05 năm sau tăng gấp đôi 05 năm trước đi đôi với thực hiện từng bước cơ cấu nguồn lực đầu tư công trong nội bộ ngành nông nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng đầu tư cho nông nghiệp, thủy sản, lâm nghiệp, khoa học công nghệ, phát triển nguồn nhân lực.

- Về vốn đầu tư phát triển: Tiếp tục tranh thủ hỗ trợ mức cao nhất; đồng thời, quản lý sử dụng hiệu quả nguồn vốn ODA, vốn Chương trình mục tiêu quốc gia, vốn Trung ương hỗ trợ theo mục tiêu, vốn trái phiếu Chính phủ để triển khai các dự án trọng điểm về thủy lợi, nông nghiệp, thủy sản. Trong điều kiện ngân sách tỉnh còn nhiều khó khăn, giai đoạn đến năm 2020, tỉnh sẽ xem xét, cân đối tăng hợp lý vốn đầu tư cho ngành nông nghiệp để đẩy nhanh tiến độ các công trình thủy lợi bức xúc, hoàn thiện hệ thống kênh đầu mối gắn với huy động sức dân đầu tư hệ thống thủy lợi nội đồng nhằm phát huy đồng bộ các công trình; tăng kinh phí đầu tư hoàn thành các công trình đang dở dang, các tuyến giao thông nông thôn quan trọng, huyết mạch phục vụ đi lại và vận chuyển nông, thủy sản hàng hóa, công trình cấp nước sạch nông thôn, công trình đê, kè chống sạt lở và các khu tái định cư vùng nguy cơ thiên tai cao. Ưu tiên đầu tư, nâng cấp, phát huy hệ thống sản xuất, cung ứng giống cây trồng, vật nuôi, giống thủy sản; đầu tư hạ tầng một số vùng chuyên canh cây, con lợi thế, nuôi thủy sản tập trung theo quy hoạch.

- Về vốn sự nghiệp:

+ Tăng cường tranh thủ các nguồn kinh phí Trung ương, đồng thời ưu tiên vốn ngân sách địa phương để triển khai thực hiện các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh trên cơ sở đúng mục đích, có hiệu quả.

+ Tăng vốn sự nghiệp kinh tế hàng năm cho ngành nông nghiệp để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ giám sát, phòng ngừa và kiểm soát dịch bệnh cây trồng, vật nuôi, thủy sản; tăng cường năng lực, kiểm soát chất lượng vật tư nông nghiệp và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm nông, lâm, thủy sản; công tác chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, xây dựng và nhân rộng các mô hình mới có hiệu quả; đảm bảo kinh phí thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản; thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi, giống thủy sản có năng suất, chất lượng cao.

+ Ưu tiên vốn sự nghiệp khoa học thực hiện các chương trình, đề tài, dự án nghiên cứu, ứng dụng trong ngành nông nghiệp, nhất là đề tài, dự án nghiên cứu lai tạo, chọn tạo giống cây, con năng suất, chất lượng cao, có khả năng chống chịu sâu bệnh, thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu; bảo quản, chế biến, giảm tổn thất sau thu hoạch.

+ Tăng kinh phí sự nghiệp môi trường để thực hiện tốt nhiệm vụ tuyên truyền, quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng và biển; bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

+ Quan tâm bố trí kinh phí sự nghiệp đào tạo để triển khai các chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đào tạo nguồn nhân lực khoa học - kỹ thuật trình độ cao trong ngành nông nghiệp.

7. Đẩy mạnh thu hút nguồn lực kinh tế tư nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn đi đôi với tăng cường quản lý các dự án đầu tư

Tạo điều kiện thuận lợi để thành phần kinh tế tư nhân tham gia đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn đa dạng về quy mô, loại hình tổ chức; đưa kinh tế tư nhân trở thành một trong những động lực quan trọng, đóng góp ngày càng lớn về sản lượng, giá trị sản phẩm và giá trị gia tăng của ngành nông nghiệp những năm tới. Theo hướng trên, các Sở, ngành, chính quyền các địa phương tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu sau đây:

- Tiến hành rà soát, đánh giá hiệu quả các dự án đầu tư tư nhân trên lĩnh vực nông nghiệp, chăn nuôi, trồng rừng, nuôi trồng thủy sản đã được chấp thuận đầu tư; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ các dự án; chú ý đánh giá trình độ công nghệ áp dụng, năng suất, chất lượng sản phẩm, tổ chức tiêu thụ; hiệu quả sử dụng quỹ đất; trên cơ sở đó, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh kiên quyết loại bỏ các dự án treo, chần chừ, xử lý các dự án đầu tư không phù hợp quy hoạch, mục tiêu dự án, thiếu năng lực tài chính, kém hiệu quả về kinh tế, tác động tiêu cực tới môi trường.

- Tiếp tục thu hút đầu tư kinh tế tư nhân gắn với quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh theo hướng lựa chọn trọng tâm, trọng điểm của từng ngành, lĩnh vực để thu hút đầu tư tư nhân, chuyển mạnh từ đầu tư theo chiều rộng sang đầu tư chiều sâu, áp dụng quy trình công nghệ tiên tiến, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng.

- Thực hiện công khai, minh bạch về quy hoạch, trình tự thủ tục về đầu tư, về đất đai, các chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư với hình thức phù hợp (hội thảo chuyên đề, hội nghị trực tuyến,...) để các tổ chức, cá nhân có nhu cầu tiếp cận, đăng ký đầu tư thuận lợi; đồng thời, tích cực hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư thực hiện các chính sách ưu đãi của Nhà nước (đất đai, thuế, tín dụng, đào tạo nghề, tiêu thụ sản phẩm,...); áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế trong quản lý, điều hành và sản xuất kinh doanh; hỗ trợ xây dựng thương hiệu, đăng ký nhãn hiệu hàng hóa.

8. Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về kinh tế tập thể. Đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể trong ngành nông nghiệp theo hướng đa dạng hóa về loại hình, quy mô, phù hợp điều kiện và nhu cầu từng ngành, nghề, lĩnh vực và địa phương, đưa kinh tế tập thể trở thành thành phần kinh tế có vai trò quan trọng trong việc giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, góp phần cải thiện bộ mặt nông thôn.

- Trước mắt từ nay đến năm 2015, tiếp tục rà soát, phân loại các hợp tác xã nông nghiệp hiện có để có biện pháp củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng tỷ trọng số hợp tác xã khá; đồng thời, kiên quyết giải thể các hợp tác xã yếu kém, không có khả năng củng cố, phát triển. Tích cực vận động thành lập mới hợp tác xã và tổ hợp hợp tác đối với ngành, sản phẩm có nhu cầu khách quan về liên kết

chuỗi từ tổ chức sản xuất, cung ứng dịch vụ, tiêu thụ sản phẩm để tạo tiềm lực mạnh, nâng cao khả năng cạnh tranh, nâng cao hiệu quả.

- Tập trung thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển kinh tế tập thể đã được Nhà nước ban hành, nhất là hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý; tạo điều kiện tiếp cận các nguồn vốn tín dụng; triển khai các chính sách ưu đãi về thuế; đẩy mạnh việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ phát triển sản xuất, dịch vụ.

9. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực, hiệu lực quản lý Nhà nước về nông nghiệp, nông thôn

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, trước hết là cải cách thủ tục hành chính trong ngành nông nghiệp, nông thôn; tăng cường tính công khai, minh bạch quy hoạch, chính sách, quy định quản lý ngành, lĩnh vực; nâng cao chất lượng, hiệu quả trong giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp, nhà đầu tư, người sản xuất tại các cơ quan quản lý Nhà nước các cấp; đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý và cung cấp các dịch vụ công, tạo thuận lợi cho tổ chức, công dân trong quan hệ, giao dịch với cơ quan Nhà nước.

- Tiếp tục kiện toàn hệ thống tổ chức quản lý Nhà nước về nông nghiệp, nông thôn các cấp; đẩy mạnh phân công, phân cấp trách nhiệm gắn với quyền hạn quản lý Nhà nước về nông nghiệp, nông thôn ở từng cấp. Kịp thời rà soát, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị quản lý Nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện để khắc phục chồng chéo gắn với sắp xếp lại tổ chức, biên chế phù hợp chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị. Nâng cao năng lực, trách nhiệm thực thi công vụ của các chi cục quản lý chuyên ngành, trước hết là lực lượng thanh tra chuyên ngành; củng cố, nâng cao năng lực các đơn vị sự nghiệp nghiên cứu, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật ngành nông nghiệp (các Trung tâm Giống, Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư, Trung tâm Huấn luyện chăn nuôi bò), có cơ chế hoạt động phù hợp để khuyến khích đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật phát huy năng lực nghiên cứu, sáng tạo, đẩy mạnh chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, nhất là cán bộ ở cơ sở.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp các Sở, ngành, địa phương và cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch hành động, định kỳ tổng hợp tình hình thực hiện, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch triển khai trên địa bàn; theo dõi, tổng hợp tình hình, định kỳ báo cáo gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và cơ quan liên quan có trách nhiệm triển khai

Kế hoạch hành động này, bảo đảm kịp thời, hiệu quả, phù hợp tình hình thực tế (theo Phụ lục Phân công nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch hành động đính kèm).

4. Đài Phát thanh và Truyền hình, Báo Trà Vinh và các cơ quan thông tin truyền thông xây dựng nội dung tuyên truyền Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013, Kế hoạch hành động của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; thông tin, phản ánh kịp thời các mô hình, điển hình về tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

5. Định kỳ quý, 6 tháng và hàng năm, các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và cơ quan liên quan đánh giá tình hình, báo cáo kết quả thực hiện, nêu rõ những việc đã hoàn thành, những việc chưa hoàn thành hay đang thực hiện, nguyên nhân và đề xuất giải pháp tiếp tục thực hiện gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 01 tháng 12 hàng năm để báo cáo Thường trực Ban Chỉ đạo tái cơ cấu của Bộ (Vụ Kế hoạch) tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan.

6. Quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh các nhiệm vụ mới hoặc cần sửa đổi, bổ sung Kế hoạch hành động, các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và cơ quan liên quan báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định (thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Công thương, Lao động - Thương binh và Xã hội, Khoa học và Công nghệ, Nội vụ, Giao thông Vận tải, Xây dựng, Y tế; Thủ trưởng các Sở, ngành tỉnh và các đơn vị, cá nhân có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ NN&PTNT;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực BCĐ tái cơ cấu của Bộ (Vụ Kế hoạch);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- TT. BCĐ tái cơ cấu kinh tế của tỉnh;
- Liên minh HTX tỉnh;
- Hội Nông dân tỉnh;
- CVP, các PCVP.UBND tỉnh;
- Trung tâm TH - CB tỉnh;
- Các PNC;
- Lưu: VT, NN. 33 ³ ₁₀

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Phong



PHỤ LỤC

Phân công nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch hành động tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh

kèm theo Quyết định số 2368/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2013
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

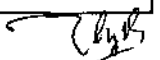
Số TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
A	Công tác quán triệt, triển khai			
1	Tham mưu UBND tỉnh tổ chức Hội nghị quán triệt nội dung Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững tại Quyết định 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ và triển khai Kế hoạch hành động của tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Văn phòng UBND tỉnh	Tháng 12/2013
2	Xây dựng Kế hoạch chi tiết triển khai Kế hoạch hành động của tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND các huyện, thành phố		Tháng 01/2014
B	Nhiệm vụ cụ thể			
I	Rà soát, điều chỉnh, bổ sung và lập mới Quy hoạch			
1	Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch thuộc lĩnh vực nông nghiệp và PTNT đến năm 2020 đã phê duyệt	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, địa phương liên quan	Năm 2014-2015
2	Quy hoạch phát triển thủy sản trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, địa phương liên quan	Năm 2013
3	Quy hoạch vùng sản xuất giống thủy sản tập trung trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, địa phương liên quan	Năm 2013
4	Quy hoạch hệ thống trạm bơm điện vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, địa phương liên quan	Năm 2014
5	Quy hoạch thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh đến năm	Sở Nông nghiệp và	Các Sở, ngành, địa phương liên quan	Năm 2014

	2020, tầm nhìn đến năm 2030	PTNT		
6	Quy hoạch hệ thống đê bao, bờ bao ven sông Cổ Chiên và sông Hậu trên địa bàn tỉnh trong điều kiện biến đổi khí hậu - nước biển dâng	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, địa phương liên quan	Năm 2014
7	Quy hoạch vùng cây ăn quả chủ lực trồng tập trung và định hướng rải vụ một số cây ăn quả trên địa bàn tỉnh đến năm 2020	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, địa phương liên quan	Năm 2014
8	Quy hoạch các dự án cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, địa phương liên quan	Theo hướng dẫn của TW
9	Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển lưới điện trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, định hướng đến 2025	Sở Công thương	Các Sở, ngành, địa phương liên quan	Năm 2014-2015
II	Xây dựng các đề án, chương trình, dự án trọng điểm phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm nông nghiệp			
1	Đề án phát triển nông nghiệp công nghệ cao tỉnh Trà Vinh	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện vùng quy hoạch	Năm 2014
2	Đề án chuyển đổi cây trồng, kết hợp nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa kém hiệu quả	UBND các huyện	Các Sở, ngành liên quan	Năm 2014
3	Đề án tái cơ cấu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ lĩnh vực nông nghiệp	Công ty TNHH Nhà nước MTV QLKTCT thủy lợi TV	Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT	Năm 2014
4	Đề án thành lập Quỹ dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Tài chính và các ngành liên quan	Năm 2014
5	Đề án xây dựng và phát triển tổ hợp tác sản xuất trên biển tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2014 - 2016	Sở Nông nghiệp và PTNT	các Sở, ngành, địa phương có liên quan	Năm 2014
6	Đề án hỗ trợ nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo	Sở Nông nghiệp và PTNT	các Sở, ngành, địa phương có liên quan	Năm 2014
7	Chương trình cơ giới hóa nhằm giảm	Sở Nông	UBND các huyện,	Năm 2014

	tôn thất trong nông nghiệp	ng nghiệp và PTNT	thành phố	
8	Chương trình khoa học công nghệ trọng điểm ngành nông nghiệp đến năm 2020	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2014
9	Chương trình khuyến nông, khuyến ngư trọng điểm đến năm 2020	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thành phố	Năm 2014
10	Chương trình xúc tiến thương mại, đẩy mạnh tiêu thụ các sản phẩm nông, thủy sản chủ lực tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 ✓	Sở Công Thương	Sở Nông nghiệp và PTNT	Năm 2014
11	Chương trình xúc tiến đầu tư vào các ngành, sản phẩm nông, lâm, thủy sản có lợi thế của tỉnh Trà Vinh đến năm 2020	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Năm 2014
12	Chương trình quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông, thủy sản trọng điểm đến năm 2020	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Y tế, Sở Công thương	Năm 2014
13	Dự án Khảo sát, đánh giá và dự báo tình hình sạt lở bờ sông trên địa bàn tỉnh trong điều kiện biến đổi khí hậu - nước biển dâng	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, địa phương liên quan	Năm 2014
14	Các dự án sản xuất giống thủy sản tập trung theo quy hoạch	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện vùng quy hoạch	Năm 2014-2020
15	Các dự án nâng cấp các Trại giống nông nghiệp, giống thủy sản của tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành liên quan	Năm 2014-2020
16	Các dự án đầu tư nâng cao chất lượng đàn vật nuôi; phát triển chăn nuôi tập trung; giết mổ tập trung.	UBND các huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT	Năm 2014-2020
17	Các dự án đầu tư phát triển "cánh đồng lớn"	UBND các huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Công thương	Năm 2014-2020
18	Các dự án đầu tư phát triển sản xuất cây màu và cây công nghiệp ngắn ngày lợi thế	UBND các huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT	Năm 2014-2020

← (lyph

19	Các dự án đầu tư phát triển các loại cây ăn quả chủ lực trồng tập trung	UBND các huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT	Năm 2014-2020
20	Các dự án đầu tư phát triển nuôi thâm canh theo hình thức tập trung các loại thủy sản chủ lực, lợi thế	UBND các huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT	Năm 2014-2020
III Xây dựng, triển khai, nhân rộng các mô hình điểm				
1	Mô hình sản xuất lúa chất lượng cao, "Cánh đồng mẫu lớn", liên kết "4 nhà"	UBND các huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT	Năm 2014-2020
2	Tổng kết, đánh giá và nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp, thủy sản, ngành nghề nông thôn có hiệu quả	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện	Năm 2014
3	Các mô hình sản xuất kết hợp lúa - màu; lúa - thủy sản; rừng - tôm bền vững	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện	Từ năm 2014
4	Mô hình chăn nuôi heo, gà sử dụng đệm lót sinh học	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện	Từ năm 2014
5	Mô hình liên kết khai thác - dịch vụ hậu cần gắn với hình thức sản xuất tổ, đội trên biển	UBND các huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT	Từ năm 2014
6	Mô hình cộng đồng quản lý nuôi nghêu	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện	Từ năm 2014
7	Mô hình nuôi tôm công nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện	Năm 2014-2020
8	Mô hình trồng xen cây ca cao trong vườn cây ăn quả và vườn dừa	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện	Năm 2014-2020
9	Mô hình trồng màu sử dụng giống chất lượng và màng phủ nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện	Năm 2014-2020
10	Mô hình trồng cây cam sành xen cây ổi theo kỹ thuật Nhật Bản	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện	Năm 2014-2020
IV Xây dựng nông thôn mới				


 4

1	Đẩy mạnh triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	UBND các huyện, thành phố	Sở Nông nghiệp và PTNT, các Sở, ngành liên quan	Thường xuyên
2	Rà soát Đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới đối với các xã đã phê duyệt	UBND các huyện, thành phố	Sở Xây dựng	Năm 2014
3	Tăng cường năng lực, cơ sở vật chất kỹ thuật, đẩy mạnh hoạt động đào tạo nghề lao động nông thôn	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND các huyện, thành phố	Thường xuyên
4	Rà soát, sắp xếp, củng cố, nâng cao hiệu quả các hợp tác xã nông nghiệp	UBND các huyện, thành phố	Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT	Năm 2014
5	Xây dựng mô hình điểm hợp tác xã liên kết sản xuất - thu mua - tiêu thụ nông sản, thủy sản hàng hóa	UBND các huyện, thành phố	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	Năm 2014-2015
6	Dự án khôi phục một số làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh (đan lát, bánh tráng,...)	UBND các huyện có làng nghề	Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Công thương	Năm 2014-2020
V	VỀ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH			
1	Triển khai kịp thời các chính sách hỗ trợ sản xuất đối với nông dân, ngư dân theo quy định của Chính phủ	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Tài chính; UBND các huyện, thành phố	Theo quy định
2	Quản lý, sử dụng đất trồng lúa theo Nghị định số 42/2012/NQ-CP ngày 11/5/2012 của Chính phủ	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Tài nguyên và Môi trường, các địa phương	Theo quy định
3	Triển khai chính sách hỗ trợ, khuyến khích sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư; các địa phương	Theo hướng dẫn của TW
4	Triển khai chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn theo Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, địa phương	Theo hướng dẫn của TW
5	Triển khai chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg của Thủ	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư; các địa phương	Năm 2014-2015

	tướng Chính phủ			
6	Triển khai chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2020	Sở Nông nghiệp và PTNT	các Sở, ngành, địa phương có liên quan	Năm 2014
7	Triển khai chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2020	Sở Nông nghiệp và PTNT	các Sở, ngành, địa phương có liên quan	Năm 2014
8	Triển khai chính sách hỗ trợ, khuyến khích đầu tư chăn nuôi, giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2016	Sở Nông nghiệp và PTNT	các Sở, ngành, địa phương có liên quan	Năm 2014
9	Triển khai chính sách hỗ trợ, khuyến khích cải tạo, nâng cao hiệu quả vườn cây ăn trái và vườn dừa trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2018	Sở Nông nghiệp và PTNT	các Sở, ngành, địa phương có liên quan	Năm 2014
VI	Điều chỉnh cơ cấu và nâng cao hiệu quả đầu tư công trong ngành nông nghiệp			
1	Rà soát, phân kỳ đầu tư và lập danh mục các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trọng điểm ưu tiên đầu tư từ nguồn vốn ngân sách giai đoạn 2014 - 2020	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Năm 2014
2	Tham mưu phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển hàng năm từ ngân sách địa phương theo hướng ưu tiên thực hiện Kế hoạch hành động tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND các huyện, thành phố	Từ năm 2014
3	Tham mưu cân đối bố trí kinh phí sự nghiệp từ ngân sách địa phương theo hướng ưu tiên thực hiện Kế hoạch hành động tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh	Sở Tài chính	Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND các huyện, thành phố	Từ năm 2014
VII	Kiến toàn hệ thống tổ chức, tăng cường năng lực, hiệu lực quản lý nhà nước			
1	Rà soát, kiện toàn các Ban Quản lý rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Nội vụ	Năm 2014
2	Rà soát sắp xếp lại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở: Tài chính, Lao động - Thương	Năm 2014

	viên Quản lý khai thác công trình thủy lợi Trà Vinh		binh và Xã hội, Nội vụ, Nông nghiệp và PTNT	
3	Đề án tổ chức và hoạt động của hệ thống khuyến nông trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Nội vụ, UBND các huyện, thành phố	Theo hướng dẫn của TW
4	Đề án kiện toàn hệ thống tổ chức quản lý Nhà nước ngành Nông nghiệp và PTNT các cấp trên địa bàn tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND các huyện, thành phố	Theo hướng dẫn của TW
5	Chương trình đào tạo nguồn cán bộ khoa học kỹ thuật các lĩnh vực mũi nhọn, trọng tâm ngành nông nghiệp giai đoạn 2014 - 2020	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Nội vụ	Năm 2014-2015
6	Đề án phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý Nhà nước và tăng cường năng lực thanh tra chuyên ngành về vật tư nông nghiệp, quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản các cấp trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Nội vụ, UBND các huyện, thành phố	Theo hướng dẫn của TW
7	Rà soát, củng cố và nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính tại các Chi cục thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên

* **Ghi chú:**

- UBND: Ủy ban nhân dân;
- PTNT: Phát triển nông thôn;
- TW: Trung ương.